

Số: 1260/KH-SYT

An Giang, ngày 19 tháng 05 năm 2020

KẾ HOẠCH

Kiểm tra, giám sát chuyên đề năm 2020 các đơn vị y tế trực thuộc

Thực hiện kế hoạch hàng năm về kiểm tra định kỳ về các chuyên đề, Sở Y tế xây dựng Kế hoạch kiểm tra chuyên đề năm 2020 như sau:

I. MỤC ĐÍCH

- Kiểm tra, đánh giá thực hiện hoạt động chuyên môn, thực trạng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, nhân lực của đơn vị y tế.
- Triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh BHYT, cải cách thủ tục hành chính, cải tiến quy trình khám bệnh, chữa bệnh BHYT, thực hiện đề án đổi mới phong cách thái độ phục vụ đáp ứng sự hài lòng của người bệnh trên địa bàn tỉnh.
- Định hướng cho các bệnh viện xác định vấn đề ưu tiên để cải tiến chất lượng những tháng còn lại của năm 2020.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Nội dung kiểm tra:

- Số liệu hoạt động 6 tháng đầu năm 2020.
- Triển khai quản lý phòng ngừa, báo cáo sự cố y khoa theo Thông tư số 43/2018/TT-BYT.
- Công tác xây dựng và thực hiện quy trình kỹ thuật chuyên môn, bảng kiểm an toàn phẫu thuật.
- Xây dựng, cập nhật các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị.
- Thực hiện tốt bảo quản thuốc theo Thông tư số 36/2018/TT-BYT.
- Hoạt động nhà thuốc bệnh viện, kết nối phần mềm quản lý dược.

2. Đối tượng kiểm tra:

- Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh;
- Trung tâm Y tế tuyến huyện, thành phố;
- Bệnh viện tư nhân.

3. Thời gian kiểm tra:

- Dự kiến bắt đầu từ giữa tháng 7/2020.
- Lịch kiểm tra cụ thể sẽ thông báo đến các đơn vị trước 01 tuần.

4. Chương trình làm việc của Đoàn kiểm tra:

Mỗi đơn vị trong 01 ngày làm việc:

- Thư ký đọc Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra của Sở Y tế.
- Trưởng đoàn phát biểu nêu rõ mục đích, phương pháp và thời gian làm việc của đoàn.
- Đơn vị được kiểm tra báo cáo tóm tắt hoạt động 6 tháng đầu năm 2019 của đơn vị theo Đề cương.
- Trưởng Đoàn phân công nội dung kiểm tra cho các thành viên. Đơn vị được kiểm tra cử các thành viên để phối hợp và giúp việc kiểm tra được thuận lợi, giải đáp các yêu cầu của Đoàn kiểm tra.
- Đoàn kiểm tra họp các thành viên báo cáo cho Trưởng Đoàn. Thư ký tổng hợp các ý kiến nhận xét và ghi vào biên bản.
- Trưởng Đoàn phân tích kết quả kiểm tra cho bệnh viện.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Phòng Nghiệp vụ Y tham mưu xây dựng kế hoạch và thành phần Đoàn kiểm tra trình Giám đốc quyết định thành lập.
- Các phòng chuyên môn, các thành viên mời tham gia Đoàn thực hiện theo sự phân công.
- Văn phòng Sở Y tế in ấn các tài liệu có liên quan.
- Giám đốc các bệnh viện có cán bộ tham gia Đoàn kiểm tra tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ tham gia Đoàn kiểm tra.
- Các bệnh viện hoàn thành báo cáo theo Đề cương (*Đính kèm*) gửi về Sở Y tế trước ngày 30/06/2020.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Công tác phí của các thành viên Đoàn kiểm tra thực hiện theo quy định hiện hành.
- Phương tiện di chuyển: sử dụng xe ô tô của Sở Y tế.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra 6 tháng đầu năm 2019 các đơn vị trực thuộc của Sở Y tế. Đề nghị các đơn vị có liên quan thực hiện./.

Nơi nhận:

- BGD Sở Y tế;
- Các bệnh viện trong tỉnh;
- TTYT huyện, thị, thành phố;
- Các Phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, NVY.

GIÁM ĐỐC

Từ Quốc Tuấn

....., ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO**Kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2020**

Thực hiện Kế hoạch số /KH-SYT ngày /05/2020 của Sở Y tế,....
báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**1. Số liệu hoạt động chuyên môn:**

Chỉ số hoạt động	6th 2019	6th 2020
1. Số giường kế hoạch		
2. Số giường thực kê		
3. Công suất sử dụng giường bệnh		
3a. Tính theo giường bệnh kế hoạch:		
3b. Tính theo giường bệnh thực kê:		
4. Tổng số lượt khám bệnh		
4a. Tổng số lượt khám bệnh cho người có thẻ BHYT (gồm cả người nghèo có thẻ BHYT)		
4b. Tổng số lượt khám cho trẻ em dưới 6 tuổi		
4c. Tổng số lượt khám cho người nghèo (thanh toán theo thực thanh thực chi)		
4d. Tổng số lượt khám miễn viện phí cho các đối tượng (cận nghèo, khó khăn...) do BV quyết định		
4đ. Tổng số lượt khám giảm viện phí do BV quyết định		
5. Tổng số lượt người bệnh điều trị ngoại trú		
6. Tổng số ngày điều trị của người bệnh ngoại trú.		
7. Tổng số lượt người bệnh nội trú		
7a. Tổng số lượt người điều trị nội trú có thẻ BHYT.		
7b. Tổng số lượt trẻ em dưới 6 tuổi điều trị nội trú		
7c. Tổng số lượt người bệnh nghèo được điều trị tại BV		

	7d. Tổng số lượt người bệnh điều trị nội trú được miễn do BV quyết định		
	7đ. Tổng số lượt người bệnh điều trị nội trú được giảm viện phí do BV xem xét quyết định		
	7e. Tổng số lượt người bệnh điều trị nội trú bằng YHCT		
8. Kết quả điều trị nội trú			
	8a. Tổng số lượt người bệnh được điều trị khỏi		
	8b. Tổng số lượt người bệnh đỡ/giảm		
	8c. Tổng số lượt người bệnh kết quả điều trị không thay đổi		
	8d. Tổng số lượt người bệnh nặng hơn		
9. Tổng số ngày điều trị của người bệnh nội trú			
10. Số ngày điều trị trung bình của người bệnh nội trú			
11. Tổng số người bệnh tử vong tại BV ($11 = 11a + 11b$)			
	11a. Tổng số tử vong trong vòng 24 giờ đầu nhập viện		
	11b. Tổng số tử vong sau 24 giờ đầu nhập viện		
12. Tổng số phẫu thuật thực hiện tại BV (loại 3 trở lên): Trong đó			
	12a. Tổng số phẫu thuật loại đặc biệt		
	12b. Tổng số phẫu thuật loại 1		
	12c. Tổng số phẫu thuật loại 2		
	12d. Tổng số phẫu thuật loại 3		
	<i>Trong đó phân tích:</i>		
	12đ. Tổng số phẫu thuật nội soi		
	12e. Tổng số phẫu thuật vi phẫu		
13. Tổng số thủ thuật thực hiện tại BV			
14. Tổng số ca đẻ tại BV			
	14a. Số trường hợp phẫu thuật lấy thai		
15. Tổng số lượng máu sử dụng tại BV (đơn vị tính = lít)			
	15a. Số lượng máu do chương trình hiến máu tự nguyện sử dụng tại BV (đơn vị tính = lít)		
16. Tổng số xét nghiệm về Sinh hoá thực hiện tại BV ($16 = 16a + 16b$)			
	16a. Tổng số XN Sinh hoá cho người bệnh nội trú		

	16b. Tổng số XN Sinh hoá cho người bệnh khám và điều trị ngoại trú		
17. Tổng số xét nghiệm về Huyết học thực hiện tại BV (17 = 17a + 17b)			
	17a. Tổng số xét nghiệm về Huyết học cho NB nội trú		
	17b. Tổng số xét nghiệm về Huyết học cho NB khám và điều trị ngoại trú		
18. Tổng số xét nghiệm về Vi sinh thực hiện tại BV (18=18a+18b)			
	18a. Tổng số xét nghiệm về Vi sinh cho NB nội trú		
	18b. Tổng số xét nghiệm về Vi sinh cho NB khám và điều trị ngoại trú		
19. Tổng số xét nghiệm về Giải phẫu bệnh lý thực hiện tại BV (19a + 19b = 19)			
	19a. Tổng số XN về Giải phẫu bệnh lý cho NB nội trú		
	19b. Tổng số XN về Giải phẫu bệnh lý cho NB khám và điều trị ngoại trú		
20. Tổng số chụp X quang (20= 20a + 20b)			
	20a. Tổng số chụp X quang cho NB nội trú		
	20b. Tổng số chụp X quang cho NB khám và ĐT ngoại trú		
21. Tổng số chụp CT Scan, MRI.(21 = 21a + 21b)			
	21a. Tổng số chụp CT Scan, MRI cho NB nội trú		
	21b. Tổng số chụp CT Scan, MRI cho NB khám và điều trị ngoại trú		
22. Tổng số siêu âm (chẩn đoán) các loại (22= 22a+ 22b)			
	22a. Tổng số siêu âm cho NB nội trú		
	22b. Tổng số siêu âm cho NB khám và điều trị ngoại trú		
23. Tổng số nội soi các loại (cả nội soi can thiệp)(23=23a+23b)			
	23a. Tổng số nội soi các loại cho NB nội trú		
	23b. Tổng số nội soi các loại cho NB khám và ĐT ngoại trú		
24. Tổng số tai biến trong điều trị (24 = 24a + 24b + 24c + 24d + 24e +24f)			
	24a. Số tai biến do sử dụng thuốc (nhầm lẫn)		
	24b. Số tai biến do phản ứng có hại của thuốc (ADR)		

24c. Số tai biến do truyền máu		
24d. Số tai biến do phẫu thuật		
24e. Số tai biến do thủ thuật		
24f. Số tai biến vì lý do khác (ghi cụ thể):		
25. Tổng số tai biến sản phụ khoa (tổng hợp chung gồm cả tai biến phẫu thuật, thủ thuật đã thống kê trong mục 24d, 24e)		

2. Công tác triển khai phòng ngừa, báo cáo sự cố y khoa:

- Công tác triển khai.
- Kết quả báo cáo sự cố y khoa 6 tháng đầu năm 2020.

3. Công tác xây dựng và thực hiện quy trình kỹ thuật chuyên môn, bảng kiểm an toàn phẫu thuật:

- Triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn người bệnh.
- Xây dựng và thực hiện bảng kiểm an toàn phẫu thuật.

4. Xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị

- Tình hình xây dựng, cập nhật các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị.
- Việc giám sát sự tuân thủ các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị.

5. Tổ chức bảo quản thuốc:

- Công tác triển khai.
- Tổ chức hệ thống bảo quản thuốc theo Thông tư số 36/2018/TT-BYT.

6. Hoạt động nhà thuốc bệnh viện, cập nhật phần mềm quản lý dược:

- Công tác tổ chức nhà thuốc bệnh viện.
- Việc triển khai, kết nối phần mềm quản lý dược.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Mặt làm được:
2. Hạn chế:

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (nếu có).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)